

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2026/DS-ST

Ngày: 24-3-2026

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bảy và ông Nguyễn Văn Giới

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mai Hương là Thư ký Tòa án Nhân dân khu vực 5 – Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Đình Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2026 tại Phòng xử án Tòa án Nhân dân khu vực 5 – Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2025/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2026/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2026; quyết định hoãn phiên tòa số 11/2026/QĐST-DS, ngày 13/3/2026 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị M sinh năm 1966, nơi thường trú khu N, phường H, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

* Bị đơn: anh Nguyễn Minh T và chị Trần Thị Ngọc H, cùng trú tại khu Đ, phường Đ, tỉnh Quảng Ninh, anh T và chị H đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn, nội dung bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết từ trước, năm 2019 vợ chồng anh Nguyễn Minh T và chị Trần Thị Ngọc H gặp khó khăn lên ngày 10/4/2019 bà M đã cho anh T chị H vay số tiền 50.000.000^d (năm mươi triệu đồng) theo giấy vay tiền ngày 10/4/2019 cùng nội dung cam kết trả nợ khi bà M yêu cầu; tiếp đến 14/4/2019 bà M cho anh T vay 100.000.000^d (một trăm triệu đồng) theo giấy vay tiền ngày 14/4/2019 với thời gian vay ba tháng từ ngày 14/4/2019 đến ngày 14/7/2019. Đối với khoản vay 50 triệu, sau một tháng kể từ ngày 10/4/2019 bà M đã yêu cầu anh T và chị H trả nợ nhưng anh T và chị H không trả và ngày 06/8/2025 bà M đã gửi thông báo yêu cầu thanh toán khoản vay 50 triệu cho anh T chị H cùng khoản nợ 100 triệu đồng cũng như nhiều lần liên lạc và gặp anh T, chị H để đòi tiền, tuy nhiên anh T, chị H không trả. Do vậy bà M làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: buộc anh T, chị H trả nợ cho bà M

50.000.000đồng tiền gốc và tiền lãi phát sinh theo quy định; buộc anh T trả nợ cho bà M 100.000.000đồng tiền gốc và tiền lãi phát sinh theo quy định.

Biên bản làm việc ngày 05/11/2025 tại khu Đ, phường Đ, tỉnh Quảng Ninh, Tòa án tiến hành làm việc với chị Trần Thị Ngọc H cùng sự chứng kiến của ông Nguyễn Huy T1 trưởng khu Đ, chị H cung cấp thông tin chị đã nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập của Tòa án, chị đã thông báo cho anh Nguyễn Minh T là chồng chị biết nội dung này, tuy nhiên anh T đi làm ăn xa không về để giải quyết theo lịch hẹn của Tòa án được, bản thân chị cũng bận công việc không đến Tòa án để giải quyết được. Chị thừa nhận việc vay tiền của anh T với bà M là đúng sự thật, chữ ký của chị H, anh T trong giấy vay tiền là đúng. Tuy nhiên chị H không viết bản tự khai và khi Tòa án lập biên bản lấy lời khai cũng như giao giấy triệu tập lần hai cho chị H thì chị H không ký biên bản lấy lời khai, nhận giấy triệu tập nhưng từ chối ký biên bản giao nhận giấy triệu tập. Chị H đề nghị Tòa án báo gọi anh T về giải quyết với bà M.

Tại kết luận giám định số 64/KL-KTHS ngày 09/01/2026 của Phòng K Công an tỉnh Q, kết luận chữ viết Nguyễn Minh T tại giấy vay tiền ngày 10/4/2019, giấy vay tiền ngày 14/4/2019 và chữ viết Nguyễn Minh T dưới chữ ký trong các tài liệu mẫu so sánh gửi giám định do cùng một người viết ra.

2. Quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Minh T và chị Trần Thị Ngọc H không đến Tòa để làm việc theo thông báo của Tòa án cũng như không có văn bản, hay ý kiến trình bày gì gửi Tòa án. Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu bị đơn trả khoản nợ gốc và rút lại yêu cầu trả lãi đối với hai khoản nợ gốc nói trên.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn yêu cầu anh T, chị H phải trả số tiền nợ gốc 50.000.000đồng; yêu cầu anh T trả khoản nợ gốc 100.000.000đồng và rút lại yêu cầu trả lãi đối với hai khoản nợ gốc nói trên.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và không có ý kiến hay nội dung trình bày nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án như sau:

Về tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, các bị đơn không có mặt tham gia tố tụng là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh Nguyễn Minh T và chị Trần Thị Ngọc H trả bà M số tiền gốc 50.000.000đồng theo giấy vay tiền ngày 10/4/2019 và buộc anh Nguyễn Minh T trả bà M số tiền gốc 100.000.000đồng theo giấy vay tiền ngày 14/4/2019 theo quy định tại Điều 463, 466 BLDS và Điều 37 Luật HNGĐ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật trong vụ án: nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; hợp đồng được giao kết và thực hiện tại phường H, tỉnh Quảng Ninh nên nguyên đơn có quyền khởi kiện vụ án tại Tòa án nhân dân khu vực 5 - Quảng Ninh giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Về việc tham gia phiên tòa: tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án trên.

[1.3] Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M đối với yêu cầu bị đơn trả lãi theo giấy vay tiền ngày 10/4/2019 và giấy vay tiền ngày 14/4/2019. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận phần yêu cầu đương sự xin rút này.

[2] Về nội dung tranh chấp: xét yêu cầu của bà M đề nghị Tòa án buộc anh Nguyễn Minh T và chị Trần Thị Ngọc H trả số tiền gốc 50.000.000đồng theo giấy vay tiền ngày 10/4/2019 và buộc anh Nguyễn Minh T trả số tiền gốc 100.000.000đồng theo giấy vay tiền ngày 14/4/2019. Hội đồng xét xử thấy:

Về khoản nợ gốc: trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh T và chị H đều vắng mặt không có lý do, trên cơ sở Biên bản làm việc ngày 05/11/2025 chị Trần Thị Ngọc H thừa nhận việc vay tiền của anh T với bà M là đúng sự thật, chữ ký của chị H, anh T trong giấy vay tiền là đúng. Tuy nhiên chị H không viết bản tự khai và khi Tòa án lập biên bản lấy lời khai thì từ chối ký biên bản, do vậy trên cơ sở yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của nguyên đơn, Tòa án đã ra quyết định trưng cầu giám định. Tại kết luận giám định số 64/KL-KTHS ngày 09/01/2026 của Phòng K Công an tỉnh Q, kết luận chữ viết Nguyễn Minh T tại giấy vay tiền ngày 10/4/2019, giấy vay tiền ngày 14/4/2019 và chữ viết Nguyễn Minh T dưới chữ ký trong các tài liệu mẫu so sánh gửi giám định do cùng một người viết ra; chị H thừa nhận chữ ký trên giấy vay khoản tiền 50.000.000đồng là do chị H ký. Giấy vay tiền ngày 10/4/2019 với số tiền 50.000.000đồng chị H và anh T ký mục người vay, giấy vay tiền ngày 14/4/2019 vay 100.000.000đồng anh T ký mục người vay. Mặt khác nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: buộc anh T và chị H phải trả số tiền 50.000.000đồng; buộc anh T phải trả số tiền 100.000.000đồng. Như vậy có căn cứ xác định anh Nguyễn Minh T và chị Trần Thị Ngọc H vay bà Nguyễn Thị M số tiền 50.000.000đồng theo giấy vay tiền ngày 10/4/2019 và anh Nguyễn Minh T vay bà Nguyễn Thị M số tiền 100.000.000đồng theo giấy vay tiền ngày 14/4/2019.

[3] Quan điểm và ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Quảng Ninh tham gia phiên tòa là có căn cứ, đúng với các quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[4] Về án phí: do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định.

[5] Về chi phí giám định: do kết quả giám định chứng minh yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên bị đơn anh Nguyễn Minh T phải chịu chi phí giám định, chi phí giám định hết số tiền 4.000.000đồng theo phiếu thu ngày 10/01/2026 của Phòng K Công an tỉnh Q, số tiền này nguyên đơn đã nộp tạm ứng nên bị đơn anh Nguyễn Minh T phải có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn. Trả lại nguyên đơn tiền tạm ứng chi phí giám định còn thừa 11.000.000đồng, nguyên đơn đã nhận lại đủ số tiền trên.

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 161; khoản 2 Điều 162; khoản 1 Điều 218; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật số 85/2025/QH15, ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, luật Tố tụng hành chính, luật Tư pháp người chưa thành niên, luật Phá sản và luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Điều 357, Điều 463, Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị M đã rút đối với yêu cầu bị đơn trả lãi.

Hậu quả của việc đình chỉ là bà M có quyền khởi kiện lại yêu cầu Tòa án giải quyết đối với việc yêu cầu bị đơn trả lãi.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M đối với bị đơn anh Nguyễn Minh T và chị Trần Thị Ngọc H.

Buộc anh Nguyễn Minh T và chị Trần Thị Ngọc H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền nợ gốc là 50.000.000^d (năm mươi triệu đồng).

Buộc anh Nguyễn Minh T phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền nợ gốc 100.000.000^d (một trăm triệu đồng).

3. Về án phí: anh Nguyễn Minh T và chị Trần Thị Ngọc H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.500.000^d (hai triệu năm trăm nghìn đồng) và anh Nguyễn Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.000.000^d (năm triệu đồng).

Bà Nguyễn Thị M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại bà M số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.977.000^d (bốn triệu, chín trăm bảy mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001206 ngày

15/10/2025 và số tiền 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001205 ngày 15/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

4. Về chi phí tố tụng:

4.1 Anh Nguyễn Minh T phải chịu chi phí giám định 4.000.000^d (bốn triệu đồng), số tiền này nguyên đơn bà Nguyễn Thị M đã nộp tạm ứng, nên anh T có nghĩa vụ hoàn trả bà M số tiền 4.000.000^d (bốn triệu đồng).

4.2 Trả lại bà Nguyễn Thị M phần tiền chi phí giám định còn thừa 11.000.000^d (mười một triệu đồng), bà M đã nhận lại đủ số tiền trên.

4.3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Quảng Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Mạnh Cường